

KỶ NIỆM 625 NĂM NGÀY SINH NGUYỄN TRÃI (1380 - 2005)

## VỀ MỐI QUAN HỆ TAM GIÁO TRONG TƯ TƯỞNG NGUYỄN TRÃI

TRẦN NGUYỄN VIỆT (\*)

**Tóm tắt:** Nguyễn Trãi (1380-1442) là nhân vật có số phận khá éo le trong lịch sử. Ông là người có công xây dựng nên một triều đại song lại bị đẩy ra ngoài lề chính sự và phải nhận nỗi oan khốc. Có thể, chính nhân tình thế thái thời bấy giờ đã khơi dậy trong Nguyễn Trãi những phản tư triết học sâu sắc. Xuất thân từ truyền thống Nho học, thấm nhuần sâu sắc đạo thánh hiền nhưng đến một thời điểm nào đó, Nguyễn Trãi đã tìm đến Phật giáo và Đạo giáo để mở rộng và làm sâu sắc thêm suy nghĩ của mình. Điều này là do Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo có những yếu tố bổ sung cho nhau và trong mỗi học thuyết đều chứa đựng những giá trị mang tính phổ quát.

Tam giáo (Nho, Phật, Đạo) được du nhập vào nước ta cách đây gần hai ngàn năm. Qua quá trình tiếp biến với các yếu tố bản địa, dần dần tam giáo này đã trở thành những trụ cột của tư tưởng Việt Nam truyền thống. Ngay từ buổi đầu gặp gỡ nhau ở nước ta, một nước vốn có yếu tố bản địa mang tính dung dị, dễ thấm nạp các tư tưởng uyên bác từ bên ngoài vào, đặc biệt là những tư tưởng có tính hệ thống chặt chẽ như tam giáo, thì sự “xung đột” tư tưởng có chăng chỉ giữa ba tư tưởng trụ cột nói trên(1).

Tuy nhiên, việc nghiên cứu mối quan hệ của tam giáo này được phản ánh trong di sản tinh thần của các nhà tư tưởng tiêu biểu Việt Nam trong lịch sử, theo ý kiến chúng tôi, lại chính là việc nghiên cứu cấp độ thứ hai của mối quan hệ đó, tức là mối

quan hệ tam giáo đã được “bản địa hoá” bởi sự quy định của tồn tại xã hội Việt Nam trong từng giai đoạn lịch sử xác định mà tại thời điểm đó, các nhà tư tưởng sống và sáng tạo. Khi nghiên cứu tư tưởng Nguyễn Trãi (1380 – 1442), người được tôn vinh là khai quốc công thần, văn võ song toàn trong thời kỳ đầu của triều đại Lê Sơ, triều đại đầu tiên thực hiện việc độc tôn học thuyết Nho gia, chúng ta không thể bỏ qua việc nghiên cứu thái độ của ông về mối quan hệ tam giáo trong bối cảnh lịch sử khá phức tạp, phải nói là nghiệt

(\*) Tiến sĩ triết học, Trưởng phòng Triết học Việt Nam, Viện Triết học.

(1) Tác giả Nguyễn Hùng Hậu gọi sự tiếp biến của Nho, Phật và Đạo trong tác phẩm *Lý hoặc luận* của Mâu Bác là cuộc đụng độ đầu tiên trong lịch sử tư tưởng Việt Nam. Xem: “*Lý hoặc luận*”-cuộc đụng độ đầu tiên giữa Nho, Phật, Lão ở Giao Châu dưới chính quyền Sĩ Nhiếp. Tạp chí Triết học, số 2, 1992, tr. 45.

ngã đối với bản thân nhà tư tưởng mà chúng ta đều biết, đó là vụ án Lê Chi viên.

Việc trình bày thân thế và sự nghiệp của Nguyễn Trãi, thiết nghĩ, không cần phải đặt ra trong bài viết này. Như chúng ta đã biết, hoàn cảnh lịch sử đã đẩy số phận của một con người có công với nước, với dân như ông ra ngoài lề chính sự của một triều đại mà ông từng “nếm mật nằm gai” để xây nên nó, làm cho ông phải nhận lấy nỗi oan khốc, không chỉ bản thân ông và gia đình bị đưa lên đoạn đầu đài, mà đất nước bị mất một nhà tư tưởng xuất sắc. Những dòng mạch tư duy xuất phát từ suối nguồn nhân nghĩa theo tinh thần Việt Nam đang có những luận chứng độc đáo, khác với tư tưởng truyền thống của Nho giáo Trung Quốc bị chặn lại từ vụ án nói trên. Có thể, chính nhân tình thế thái thời bấy giờ đã khơi dậy trong Nguyễn Trãi những phản tư triết học sâu sắc, làm cho ông không chỉ tầm mình trong suối nguồn Nho học, mà cả các học thuyết khác đang hiện diện ở nước ta.

Mặc dù vào thời Nguyễn Trãi, Nho giáo ở Việt Nam đang trên đà được độc tôn chứ chưa phải đã nắm và chi phối toàn bộ lĩnh vực hệ tư tưởng của triều đại Lê Sơ; song người ta vẫn chỉ chú ý đến các quan điểm Nho giáo trong tư tưởng của ông, mà ít để cập đến tư tưởng của hai học thuyết còn lại là Phật giáo và Đạo giáo. Sự độc tôn Nho giáo chỉ thực sự đạt đến đỉnh cao ở thời vua Lê Thánh Tông, khi vị vua này phê phán những quan điểm được ông cho là sai lầm trong nhận thức luận và một số yếu tố mê tín dị đoan của Đạo giáo; tuy nhiên, chính Lê Thánh Tông cũng không

hoàn toàn loại bỏ tư tưởng Phật giáo, Đạo giáo ra khỏi tâm thức mình. Đó vẫn là điều thường gặp trong lịch sử triết học thế giới.

Vậy, mối quan hệ tam giáo trong tư tưởng của Nguyễn Trãi cần được xem xét theo phương diện nào, đồng nguyên hay thống hợp? Theo chúng tôi, quan điểm “đồng nguyên” theo đúng nghĩa của từ là *cùng gốc* vốn có từ thời Trần mà chúng ta có thể bắt gặp trong tư tưởng của Trần Thái Tông và một số nhà tư tưởng khác ở một số quan điểm cụ thể. Song, cần khẳng định rằng, quan điểm đồng nguyên phải đến thế kỷ XVIII mới được thể hiện rõ nét trong tư tưởng Việt Nam. Trong tư tưởng Nguyễn Trãi, dường như các vấn đề về mối quan hệ tam giáo được nảy sinh tùy thuộc vào các giai đoạn của cuộc đời, từ thuở thiếu thời với ý chí dời non lấp biển, thích vẫy vùng như cá kình ngoài khơi, chim phượng hoàng trên trời cao; tiếp đến là giai đoạn vượt qua những thử thách gian nan để đạt được danh vọng của kẻ sĩ; và cuối đời lại ôm ấp những ưu tư, tìm về với phong cảnh thiên nhiên để ở ẩn, suy xét lại những gì mình từng làm, từng trải nghiệm. Các nhà tư tưởng sau Nguyễn Trãi, nếu có hoàn cảnh như ông, đều có tâm trạng chung và cách xử thế như vậy. Nhìn chung, họ không thoát ra khỏi tính quy định tồn tại xã hội trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

Ở bài viết này, mối quan hệ của tam giáo trong tư tưởng Nguyễn Trãi, về cơ bản, được xem xét trong sự thống hợp, tức là tam giáo có sự thống nhất và bổ sung cho nhau để thành một cái gì đó mang

tính chính thể mà nhà tư tưởng tiêu biểu thế kỷ XV trình bày trong các tác phẩm thơ văn của mình.

Trước hết, như chúng ta đã biết, Nho giáo và Đạo giáo (tạm gọi chung là đạo Lão Trang và Đạo giáo trong văn cảnh mà chúng tôi đề cập) vốn có nguồn gốc từ Trung Quốc. Mặc dù cả hai học thuyết này đều đề cập đến khái niệm chung là “Đạo”; song, “Đạo” của Nho gia không giống với “Đạo” của Đạo gia. Học thuyết thứ nhất đề cập đến “Đạo” xã hội; theo đó, “Đạo” gắn liền với “nhân, lễ và chính danh”, đặc biệt Nho gia đề cao đạo “trung chính”. “Đạo” của Lão Trang là “Đạo” tự nhiên. Đó là một phạm trù triết học rất trừu tượng, con người chỉ nên bắt chước “Đạo” tự nhiên mà không nên can thiệp vào tự nhiên; từ đó, đạo “vô vi” được coi là nguyên tắc tối ưu trong hành vi của con người. Nho gia quan niệm về xã hội cũng khác với Đạo gia; cho rằng, kẻ trị vì theo đường lối nhân chính, đức trị sẽ có nhiều người về theo, con người sống có đức, đặc biệt là đức hiếu sẽ có người nối dõi, đông con và như vậy là có phúc lớn, còn bổng lộc gắn liền với danh vọng, muốn đạt được danh vọng con người phải học, phải đi từ “tu thân, đến tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Trong khi đó, Đạo gia quan niệm xã hội lý tưởng là xã hội dân ít, nước nhỏ, con người phải sống nhu thuận, không nên tranh giành nhau. Đặc biệt, điểm tích cực có ý nghĩa muôn thuở của Đạo gia là tư tưởng chống chiến tranh, tức là chống sự tàn phá thiên nhiên, chống mọi nguyên nhân gây ra cho con người tính tham, tính tranh giành và tiêu diệt nhau.

Phật giáo có nguồn gốc từ Ấn Độ. Tư tưởng cơ bản của nó là hướng tới giải thoát con người khỏi sự khổ đau truyền kiếp. Niềm hạnh phúc cao cả của con người, theo quan niệm của nhà Phật, là ở cõi Niết bàn, tức trạng thái vô niệm của tâm. Ở đó, con người dứt bỏ được mọi nguyên nhân gây ra khổ. Thế giới Niết bàn, theo tinh thần Phật giáo, là thế giới bên kia. Thế giới đó cũng gắn với Thiên đường của Thiên chúa giáo và Tây vương mẫu của Đạo giáo. Nó là phương tiện để nhà Phật bù giúp cho sự lúng túng của Nho giáo khi học thuyết này đứng trước vấn đề sinh tử. Nếu như Phật giáo chú trọng vào con đường giải thoát cho con người, tức là làm cho con người quên đi dòng đời đang biến hiện liên tục trước mắt, thì Nho giáo kêu gọi con người tập trung vào những vấn đề trước mắt, ở thế giới bên này.

Vấn đề “thống nhất” giữa Phật giáo và truyền thống tư tưởng Trung Hoa đã có từ thế kỷ III – thế kỷ VI mà chủ yếu là sự kết hợp giữa Đạo giáo và Phật giáo. Vấn đề “Tam giáo thống hợp” được trường phái *Toàn Chân giáo* khởi xướng vào thế kỷ XII – XIII, v.v.. Tuy nhiên, ở Việt Nam, mối quan hệ tam giáo, về cơ bản, bị chi phối bởi tính lịch sử xã hội tại những giai đoạn xác định. Có thể sơ bộ phân định ba giai đoạn cơ bản trong thời kỳ trung thế kỷ. Thứ nhất, thời kỳ đầu độc lập và sự hình thành nhà nước phong kiến Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV, tức là thời kỳ Phật giáo đóng vai trò quan trọng trong hệ tư tưởng nhà nước. Giai đoạn thứ hai là giai đoạn Lê Mạc (thế kỷ XV - XVI)

– thời kỳ Nho giáo chiếm địa vị độc tôn, đẩy Phật giáo và Đạo giáo ra khỏi lĩnh vực chính trường. Giai đoạn thứ ba, từ thế kỷ XVII – đầu thế kỷ XX, là giai đoạn khủng hoảng kéo dài của Phật giáo và sự xuất hiện xu hướng tam giáo đồng nguyên ở thế kỷ XVIII.

Thời Nguyễn Trãi sống là thời Nho giáo đang trên đà được độc tôn, mà trước hết chúng ta phải khẳng định rằng, sự độc tôn đó là chủ trương của triều đại nhà Lê thông qua một số biện pháp hành chính đối với giới tu sĩ và nhà chùa. Tuy vậy, do thời cuộc và nhân tình thế thái, Nguyễn Trãi vẫn phải thốt lên rằng, ông bị “cái mũ nhà Nho” làm cho lằm lằm cả, đến mức như rơi vào bển mê nhà Phật thường nói tới. Tất thấy mọi điều xảy ra đối với ông, từ thuở bình sinh vất vả cốt để làm tròn chữ hiếu với cha mẹ và trung với vua, để thoả chí của bậc trượng phu trên con đường phấn đấu công danh, rốt cuộc chỉ là giấc mộng. Và không thể khác, một người vốn tin vào Nho, ông cho rằng, mệnh trời quy định tất cả: “Cõi thế trăm năm âu giấc mộng, / Cuộc đời muôn việc thấy lòng trời” (Úc Trai thi tập, bài 9)(2). Niềm tin đó, rõ ràng là mang tính tôn giáo của Hán Nho. Theo chúng tôi, có thể chính yếu tố tôn giáo đó lại là chất kết dính của Nho giáo với hai tôn giáo còn lại.

Là nhà Nho, Nguyễn Trãi tin ở mệnh trời, ở đạo thánh hiền, mặc dù thực hiện đạo thánh hiền và thành đạt trên con đường công danh lại trở thành tai họa đối với chính bản thân ông. Ông viết: “Khó tránh số mình là bởi mệnh, / Chưa tiêu đạo thánh ấy do trời” (Úc Trai thi tập, bài

47)(3). Theo ông, dù con người cố gắng thoát khỏi số mệnh tiền định đến mức nào cũng không thể thoát được lưới trời: “Đối trời rồi lại bảo trời cao, / Lồng lộng lưới trời trốn ngả nào?” (Úc Trai thi tập, bài 26)(4). Chính vì vậy, ông rút ra cho mình bài học. Đó là phải có lòng thành thật, giữ gìn đạo trung chính thì mới tránh khỏi tai họa. Phúc họa, theo quan điểm của Đạo gia, luôn ý phục trong nhau, ranh giới giữa chúng thật khó phân biệt, muốn biết phải có lòng chí thành. Sách Trung Dung cũng nói: “Điều họa, điều phúc sắp tới, dù thiện cũng có thể biết trước, dù bất thiện cũng có thể biết trước. Vì thế bậc chí thành thông suốt như thần” (Họa phúc tương chí, thiện tất tiên tri chi, bất thiện tất tiên tri chi. Cố chí thành như thần)(5). Nguyễn Trãi, khi nói về họa phúc cũng đã thể hiện tư tưởng kết hợp Nho - Đạo của mình: “Phúc của chung thì họa của chung, / Nắm thì họa khỏi phúc về cùng. / Văn chương chép lấy đời câu thánh, / Sự nghiệp tua gìn, phải đạo trung”(6).

Tuy nhiên, đạo thánh hiền dạy con người ta không ít những phẩm cách tốt đẹp. Dù đi theo bất kỳ học thuyết nào, tin theo bất kỳ tôn giáo nào bao giờ con người cũng tìm thấy một tín niệm mang tính chân lý phổ quát, thậm chí đưa đến khẳng định các tôn giáo đều có cùng gốc (đồng nguyên). Lòng chí thành, đạo trung hiếu,

(2) Viện Sử học. Nguyễn Trãi toàn tập. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, tr. 276.

(3) Sdd., tr. 325.

(4) Sdd., tr. 2998.

(5) Trung Dung, chương 24. Theo: Tứ thư tập chú (Bản dịch của Nguyễn Đức Lân). Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1998, tr. 147-148.

(6) Viện Sử học. Nguyễn Trãi toàn tập. Sdd., tr. 440.

sửa mình của Nho gia cũng là những yếu tố phổ quát. Có thể nói, các yếu tố đạo đức phổ quát của từng học thuyết là tiền đề, là cầu nối để Nguyễn Trãi cũng như nhiều nhà tư tưởng khác “đưa chân” sang lĩnh vực của quan hệ tam giáo. Khi lui về ở ẩn, suy ngẫm lại quãng đường phấn đấu công danh, ông cảm thấy như vừa thoát khỏi sự mê lầm, nếu như không nghe thấy tiếng chim đỗ quyên nhắc nhở: “Một dạ quân vương vương vít hoài, / Thẹn rừng tửu suốt ước xưa sai, / Ba mươi năm lẻ trong trần mộng, / Và tiếng chim kêu tỉnh lại thôi” (Ức Trai thi tập, bài 52)(7).

Sự thức tỉnh của Nguyễn Trãi thể hiện ở chỗ ông xem xét lại tín niệm mà mình gửi gắm cả quãng đời sung sức nhất, nhiệt thành nhất để xây dựng nên một triều đại, với tấm lòng lo trước thiên hạ vì ở đó, dân còn khốn khổ, còn bị đối xử bất công bằng. Ông thấy cần phải bổ sung cho triết lý mà xưa nay mình tin theo bằng những yếu tố phổ quát của các học thuyết khác: “Lạt thuyên mới biết dân như nước, / Cây hiềm khôn xoay ở mệnh trời. / Hoạ phúc gây mầm không một chốc, / Anh hùng để hận mấy trăm đời. / Vô cùng trời đất gương kim cổ, / Cây khói xa mù bát ngát khơi” (Ức Trai thi tập, bài 13)(8). Tư tưởng này thể hiện nội dung cả ba học thuyết, nhằm khuyên người ta nên chú ý tới những điều đơn giản, dễ hiểu là sức mạnh của dân và tính siêu nhiên của trời; hoạ phúc xảy ra do nghiệp của những kiếp trước; và đừng nên quan niệm hào huyền về Bồng lai, tiên cảnh nơi xa tít biển khơi, nơi các đạo sĩ muốn đến đó để tìm thần dược cho kỳ vọng trường sinh bất tử.

Tin theo những giáo điều Nho giáo, một học thuyết đối lập về nhiều mặt với Phật giáo, song khi thấy mình phải “tỉnh lại thôi”, Nguyễn Trãi đưa ra quyết định mang tính tuyên ngôn cho chặng cuối của cuộc đời là tìm đến Phật giáo: “Lắm cấm già rồi đừng lạ tố, / Chia đường tố cũng sẽ theo thiền” (Ức Trai thi tập, bài 69)(9). Tuy nhiên, tuyên ngôn đó không làm cho Nguyễn Trãi dễ dàng bỏ Nho mà theo Phật được, bởi trong ông luôn có sự giằng co: “Thân đà hết luy thân nên nhẹ, / Bụt ấy là lòng, bụt há cầu? / Bui một quân thân ơn cực nặng, / Tư hào chứa báo hây còn âu” (Quốc âm thi tập, bài 30)(10). Chúng ta thấy, trong con người Nguyễn Trãi có hai tâm trạng trái ngược nhau – theo Phật thì hết mọi lo âu, khi tấm thân không còn phụ thuộc vào “ngũ thụ uẩn”, không còn liên lụy đến ngoại cảnh thì chỉ là tấm thân giả tạm trong thế giới vô thường; song, chất Nho gia vẫn luôn ở bên ông, chừng nào còn chất Nho trong ông thì ông còn phải mang nợ với vua, với dân và nước.

Các nhà nghiên cứu từ xưa đến nay đều khẳng định, Nguyễn Trãi là nhà Nho, trong bất cứ trường hợp nào ông cũng không bỏ được đạo Nho. Điều đó hoàn toàn đúng. Khi nhận ra chiếc mũ nhà Nho làm mình lắm tưởng quá nhiều, ông nhắc mình nên tỉnh lại, và dù tỉnh đến mấy thì tình yêu quê hương đất nước, con người và đặc biệt là nghĩa quân thần không bao giờ

(7) *Sdd.*, tr. 331.

(8) *Sdd.*, tr. 281.

(9) *Sdd.*, tr. 354

(10) *Sdd.*, tr. 405.

ông sao nhãng. Trong các sáng tác của ông, khi thì chúng ta bắt gặp sự kết hợp giữa Nho và Đạo, khi thì giữa Nho và Phật, chỗ khác ông đề cập đến cả ba phương diện Nho – Phật - Đạo: “Cuộc đời một giấc mộng kê thôi, / Tỉnh lại muôn vàn thấy hão rồi. / Hiện chỉ ưa vào trong núi ở, / Lều tranh đọc sách cạnh hoa chơi” (Ức Trai thi tập, bài 49)(11). Mọi hiện tượng, vạn vật và cả con người trong thế gian này, theo nhà Phật, đều là ảo giả, tất thấy đều do vọng tâm, tức do tâm sai biệt sinh ra. Chính vì vậy, chủ trương thực hiện cuộc sống tự tại là chung cho cả Phật và Đạo. Nguyễn Trãi, vào lúc cuối đời, muốn trở thành một cư sĩ, một đạo sĩ sống với tự nhiên; từ đó, phóng tầm nhìn tới những đám mây trắng bay từ trong núi ra một cách vô tâm. Đó là bước ngoặt quan trọng của những bậc đại nhân ưu thời mãn thế. Đối với một số người, bước ngoặt đó là bất đắc dĩ, từ cuộc sống hào hoa phú quý, danh lợi tràn đầy vì một lý do nào đó mà phải vào núi ở ẩn là điều không dễ dàng. Đó có thể là những người bị thất sủng, bị trừng phạt bởi mắc phải lỗi lầm nào đó chốn quan trường. Song, đối với Nguyễn Trãi thì khác, do thức tỉnh bởi nhận ra danh lợi chỉ là “gió thổi hoa”, ông đã chuyển sang cuộc sống gắn bó với tự nhiên, tự tại; vì vậy, cảm thấy mình nhẹ nhõm, không bị “cái mũ nhà Nho” đánh lừa nữa và tự nhận mình là người “cày [trong thanh nhàn], câu [trong hieu quạnh]”(12).

Trở về với cuộc sống nhân dật, tự tại, Nguyễn Trãi trở nên trân trọng những giá trị của Phật giáo và Đạo giáo. Ánh trăng

soi mặt nước hồ lúc lặng sóng, ở đó người ta nhận thấy “chân như”, “Phật tính”, quý cảnh thiên nhiên hài hoà mà không nở chặt cây làm mất chỗ của chim muông... được ông thấm nạp vào thú vui của mình: “Trì tham nguyệt hiện chẳng buông cá, / Rừng tiếc chim về ngại phát cây. / Dầu bụt dầu tiên ai kể hỏi, / Ông này đã có thú ông này” (Quốc âm thi tập, bài 28)(13). Cũng tương tự, chất Nho, chất Đạo cứ hoà quyện trong ông: “Lòng chẳng mắc tham là của báu, / Người mà hết lụy ấy thần tiên” (Quốc âm thi tập, bài 74)(14), hoặc: “Phú quý lòng hơn phú quý danh, / Thân hoà tự tại thú hoà thanh” (Quốc âm thi tập, bài 83)(15).

Đến với đạo Phật, Nguyễn Trãi khẳng định, tấm lòng bao dung, bố thí độ trì của nhà Phật cũng có những nét tương đồng với đạo “trung thứ” của Nho gia. Đó là tình thương yêu con người, không làm điều gì hại người mà nên tích đức để phúc lại cho con cháu: “Phúc nhiều sơ bởi nơi ta tích, / Xuân đến tự nhiên mọi vật tươi. / Có của bo bo hằng chục của, / Oán người nơm nớp những âu người” (Quốc âm thi tập, bài 138)(16). Nhà Phật cho rằng, của bố thí là của còn, cho là được chứ không phải mất còn Nguyễn Trãi viết: “Của thết người là của còn, / Khó khăn phải đạo cháo càng ngon/ ... Chớ lấy hại người làm ích kỷ, / Hãy năng tích đức để cho con” (Quốc âm thi tập, bài 149)(17). Ở đây,

(11) *Sđđ.*, tr. 329.

(12) *Sđđ.*, tr. 340.

(13) *Sđđ.*, tr. 405.

(14) *Sđđ.*, tr. 420.

(15) *Sđđ.*, tr. 423.

(16) *Sđđ.*, tr. 443.

(17) *Sđđ.*, tr. 446.

chúng ta thấy giá trị của hai học thuyết ăn nhập vào nhau một cách tự nhiên: “bố thí” và “trung thứ” đều có chung mục đích là để phúc lại cho bản thân (Phật giáo) và cho con cháu (Nho giáo). Nhà Phật cho đời người là bể khổ, bản thân con người là vô ngã, và bố thí là một trong những hành vi vun trồng nghiệp thiện để con người sớm được giải thoát. Còn điều mà nhà Nho cần là làm thế nào để thế hệ con cháu phát huy có hiệu quả truyền thống tốt đẹp của cha ông chúng. Để đạt được điều đó thì trong cuộc sống thực tiễn họ phải là tấm gương sáng để giáo dục con cháu. “Đức lưu quang” thực chất là tấm gương sáng của thế hệ tiền bối lưu lại cho con cháu, đến lượt mình con cháu họ lấy đó làm tự hào mà tiếp tục “làm sáng đức sáng của tổ tông” (Đại học). Sự gặp gỡ giữa Phật và Nho thật thú vị và sâu sắc.

Sự kết hợp giữa Nho, Phật và Đạo trong tư tưởng của Nguyễn Trãi đã trở thành triết lý mang tính giáo huấn. Giữ được những điều răn giới của nhà Phật, sự thanh bạch, tự tại của Đạo giáo cũng chính là giữ gìn giá trị gia phong truyền thống của mỗi nhà: “Thấy lợi thì làm cho phải nghĩa, / Mựa tây mặt khiến liễn lòng đăm” (Quốc âm thi tập, bài 173)(18). Điều này nghĩa là không nên vì lợi riêng mà bỏ nghĩa, mà tỏ ra ham mê say đắm mối lợi. Theo ông, không chỉ tham, mà sân cũng phải tránh, bởi sự giận dữ quá đáng sẽ làm mất hoà khí, dẫn đến quên cả nhân nghĩa: “Giận làm chi tổn khí hoà, / Nào từng có ích nhọc mình ta. / Nếu đua khí huyết quên nhân nghĩa, / Hoà thất nhân tâm nát của nhà” (Quốc âm thi tập, bài 191)(19). Lòng tham lam, đăm mê tử sắc

sẽ ảnh hưởng xấu đến hạnh phúc gia đình, tức là tổn hại đến “đầu mối các quan hệ xã hội” mà Nho gia chú trọng: “Sắc là giặc đăm làm chi! / Thuở trọng còn phòng có thuở suy... / Bại tan gia thất đời từng thấy, / Tổn hại tinh thần sự ích chi. / Phu phụ đạo thường chẳng được chớ, / Nổi tông hoà phải một đôi khi” (Quốc âm thi tập, bài 190)(20).

Như vậy, mối quan hệ tam giáo trong tư tưởng của Nguyễn Trãi là nét đặc trưng chung cho những nhà tư tưởng Việt Nam thời kỳ trung thế kỷ. Họ vốn là những người xuất thân từ truyền thống Nho học, thấm nhuần sâu sắc đạo thánh hiền, song đến một thời điểm nào đó, khi nhân tình thế thái thay đổi, họ thường tìm đến Phật và Đạo để mở rộng và làm sâu sắc thêm suy ngẫm của mình về thế sự, về các quy luật của tự nhiên và xã hội. Thái độ của Nguyễn Trãi với tư cách nhà Nho chân chính đã không bác bỏ những giá trị phổ quát của Phật giáo và Đạo giáo, mà trân trọng và đan xen chúng thành một tư tưởng mang tính đa nguyên, đa dạng, dễ thích ứng với đời, dễ giải thích cho sự đời vốn đầy rẫy những phức tạp. Chúng tôi nhận thấy rằng, sự kết hợp, hay nói cách khác, sự thống hợp của tam giáo trong tư tưởng của Nguyễn Trãi đã góp phần nâng chủ nghĩa nhân văn của ông lên một tầm cao mới mà từ trước tới nay chúng ta chỉ tiếp cận được ở một số phương diện cụ thể, chưa mang tính đa diện. □

(18) *Sđđ.*, tr.454.

(19) *Sđđ.*, tr. 460.

(20) *Sđđ.*, tr. 459.